

Bài làm

Trong chiến lược phát triển kinh tế của nước ta hiện nay và trong tương lai, biển Đông ngày càng chiếm một vị trí quan trọng. Đi cùng với những thuận lợi nhất định thì chúng ta cũng gặp phải rất nhiều khó khăn và hàng loạt vấn đề đặt ra trong quá trình khai thác các tiềm năng của biển đông hiện nay. Một trong những khó khăn tồn tại là việc khẳng định và bảo vệ chủ quyền trên các vùng biển của nước ta.

Nhằm có 1 cách nhìn sâu sắc và toàn diện về vấn đề này chúng em xin đi sâu phân tích vấn đề: ***“Bảo vệ chủ quyền trên các vùng biển của Việt Nam – Những vấn đề còn tồn tại và hướng khắc phục”***

1. Những vùng biển thuộc chủ quyền của nước ta.

Bằng việc gia nhập Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật biển (25/7/1994), Việt Nam đã có cơ sở pháp lý quan trọng cho việc xác định chủ quyền trên biển. Theo công ước thì vùng biển thuộc chủ quyền của nước ta bao gồm:

1.1. Nội thủy (Internal waters)

Nội thủy là vùng nước nằm phía bên trong đường cơ sở (baseline) giáp với bờ biển. Đường cơ sở này do quốc gia ven biển quy định vạch ra. Từ đó trở vào gọi là nội thủy. Theo Tuyên bố ngày 12-5-1977 của Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì đường cơ sở của Việt Nam là những đường thẳng gãy khúc nối liền 11 điểm. Vùng nước nội thủy về mặt pháp lý đã nhất thể hóa với lãnh thổ đất liền nên có chế độ pháp lý đất liền, nghĩa là đặt dưới chủ quyền toàn vẹn, đầy đủ và tuyệt đối của nước ta.

1.2. Lãnh hải (Territorial sea)

Lãnh hải là lãnh thổ biển, nằm ở phía ngoài nội thủy. Ranh giới ngoài của lãnh hải được coi là đường biên giới quốc gia trên biển. Công ước quốc tế về Luật biển 1982 quy định chiều rộng lãnh hải của mỗi quốc gia ven biển tối đa là 12 hải lý tính từ đường cơ sở. Tuyên bố ngày 12-5-1977 của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định: “Lãnh hải của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam rộng 12 hải lý, ở phía ngoài đường cơ sở” (điểm 1)

1.3 Vùng biển thuộc các đảo có chủ quyền của Việt Nam.

Các đảo và quần đảo có thuộc chủ quyền của nước ta có chế độ pháp lý như đất liền. Điều 121 công ước quốc tế về luật Biển quy định chế độ các đảo như

sau: “...*Lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của 1 hòn đảo được hoạch định đúng theo các quy định của công ước áp dụng cho lãnh thổ đất liền khác; Những đảo đá không thích hợp cho con người đến ở hoặc cho một đời sống kinh tế riêng thì không có vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa*”. Việt Nam có trên 4000 đảo lớn nhỏ với 2 quần đảo lớn là Hoàng Sa và Trường Sa. Vì vậy, những vùng biển thuộc những đảo và quần đảo này đều thuộc chủ quyền của nước ta

Ngoài các vùng biển thuộc chủ quyền trên thì nước ta còn có các vùng biển có chủ quyền và quyền tài phán đó là vùng biển tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền vùng đặc quyền kinh tế, và thềm lục địa. Tổng diện tích các vùng biển thuộc chủ quyền của nước ta lên đến hơn 1 triệu km². Do diện tích lớn như vậy việc bảo vệ chủ quyền gặp rất nhiều khó khăn. Và trong hoàn cảnh và tình hình hiện nay, việc bảo vệ chủ quyền càng cấp thiết hơn bao giờ hết.

2. Vấn đề bảo vệ chủ quyền trên các vùng biển của nước ta.

2.1 Những thuận lợi mà chúng ta có được.

Từ thuở xa xưa, nghề biển đã là 1 nghề quan trọng của cha ông ta, vấn đề khai thác và khẳng định chủ quyền biển đã được cha ông ta quan tâm. Các truyền thuyết, truyện dân gian đã phần nào nói lên điều đó. Đến thời nhà Nguyễn, chủ quyền nước ta đã được khẳng định trên các quần đảo xa bờ như Hoàng Sa, Trường Sa...Như vậy tư tưởng bảo vệ chủ quyền biển đã tự bao đời hình thành trong nhân dân ta như 1 truyền thống quý báu trong cộng đồng, trong mỗi người dân Việt Nam.

Với việc trở thành thành viên của công ước “ Liên hợp quốc về luật biển 1982” chúng ta đã có 1 công cụ pháp lý quốc tế hữu hiệu để bảo vệ chủ quyền trên biển.

Đảng và nhà nước ta ngày càng quan tâm nhiều hơn đến việc bảo vệ và khẳng định chủ quyền trên biển Đông. Lực lượng Hải quân Việt Nam ngày càng được tăng cường cả về quân số cũng như trang bị, như gần đây nhà nước ta đã kí hợp đồng với Nga để mua sáu chiếc tàu ngầm hạng Kilo (Nga gọi là hạng Varshavyanka Project-636), tổng trị giá gần 2 tỷ đôla để trang bị cho lực lượng này. Việc đầu tư khai thác thăm dò biển Đông trong những năm gần đây cũng được nhà nước ta quan tâm với các dự án lớn như khai thác thăm dò dầu khí.

Trong đường lối đối ngoại của nước ta luôn khẳng định độc lập chủ quyền đối với các vùng biển của chúng ta....

Việc kí các hiệp định phân định vịnh Bắc Bộ và vịnh Thái Lan với các nước liên quan đã góp phần giải quyết tốt vấn đề về chủ quyền trên 2 khu vực này, góp phần vào công cuộc khẳng định và bảo vệ chủ quyền trên biển Đông.

2.2 Những vấn đề còn tồn tại trong việc bảo vệ chủ quyền trên các vùng biển của nước ta.

a. Lực lượng bảo vệ chủ quyền trên biển của ta còn mỏng, trong khi diện tích các vùng biển thuộc chủ quyền rất lớn, tiềm lực kinh tế quân sự còn yếu.

Như đã nêu, nếu tính tổng diện tích các vùng biển thuộc chủ quyền cũng như các vùng biển mà nước ta có chủ quyền và quyền tài phán thì tổng diện tích lên đến trên 1 triệu km², gấp hơn 3 lần diện tích đất liền, tiếp giáp với các vùng biển của nhiều nước trong khu vực. Vấn đề giữ gìn an ninh, chủ quyền trên 1 vùng biển như vậy thực sự rất phức tạp và khó khăn. Hơn nữa đây là con đường hàng hải quan trọng của thế giới, các hoạt động của tàu thuyền nhiều nước qua lại rất phức tạp... Trong khi đó thì lực lượng bảo vệ biển của ta vẫn còn mỏng, hiện nay có 2 lực lượng đóng vai trò chủ yếu trong việc bảo vệ chủ quyền trên biển đó là lực lượng hải quân và cảnh sát biển. Vì vậy việc tuần tra, kiểm soát bảo vệ và gìn giữ chủ quyền trên biển vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Việc xâm phạm chủ quyền, buôn lậu vẫn chưa được ngăn chặn triệt để, việc các tàu nước ngoài xâm nhập vùng biển của Việt Nam bất hợp pháp vẫn còn diễn ra khá phổ biến. Do điều kiện và hoàn cảnh kinh tế đất nước còn nhiều khó khăn, mặc dù đã được đầu tư phát triển trong những năm gần đây nhưng lực lượng hải quân của ta hiện nay vẫn chưa thể sánh ngang với 1 số nước trong khu vực biển Đông đặc biệt là Trung Quốc. Hiện nay lực lượng này gồm 13.000 quân chủ yếu được xây dựng theo hướng phòng thủ là chính, sức mạnh tấn công tương đối hạn chế, mặt khác ngân sách quốc phòng hàng năm của nước ta còn hạn chế do vậy việc tăng cường tiềm lực cho hải quân ngay lập tức là không thể. Tất cả những tồn tại đó dẫn đến hậu quả tất yếu là chủ quyền trên các vùng biển của nước ta chưa được bảo vệ một cách hiệu quả và chưa vững chắc.

b. Sự gia tăng ảnh hưởng của các nước trong vùng biển Đông và những tranh chấp về chủ quyền các vùng biển với các nước trong khu vực đang ảnh

hưởng nghiêm trọng đến chủ quyền trên các vùng biển của Việt Nam. Việc bảo vệ chủ quyền trên biển của nước ta gặp rất nhiều khó khăn.

- Tranh chấp chủ quyền Hoàng Sa vùng biển thuộc đảo giữa Việt Nam với Trung Quốc và Đài Loan: Quần đảo Hoàng Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam, chúng ta có đầy đủ các chứng cứ để chứng minh chủ quyền của mình đối với Hoàng Sa. Tuy nhiên năm 1974 và cho đến nay, Trung Quốc đã dùng vũ lực chiếm các đảo ở quần đảo Hoàng Sa. Đây là một sự vi phạm trắng trợn độc lập chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo này và vùng biển thuộc quần đảo. Đã nhiều lần xung đột bằng vũ lực giữa Việt Nam và Trung Quốc nổ ra ở khu vực này. Những hành động của Trung Quốc đang đe dọa trực tiếp đến chủ quyền trên biển của Việt Nam đối với khu vực Hoàng Sa.

- Tranh chấp chủ quyền toàn bộ hay một phần Trường Sa giữa Việt Nam, Trung Quốc, Đài Loan, Philippines, Malaysia và Brunei: Không chỉ dùng vũ lực để chiếm lấy quần đảo Hoàng Sa, Trung Quốc còn tiếp tục nổ súng đánh chiếm quần đảo Trường Sa, hiện nay Trung Quốc đang chiếm giữ 5 đảo phía bắc và đang có âm mưu chiếm hết quần đảo này của Việt Nam. Không chỉ Trung Quốc mà còn một số nước trong khu vực cũng tuyên bố chủ quyền của mình với các hòn đảo của quần đảo này. Hiện tại, Philippines, Malaysia và Brunei, Đài Loan cũng đã chiếm 1 số đảo ở đây và tuyên bố chủ quyền của mình. Trong khi đó chúng ta có đầy đủ các chứng cứ để chứng minh chủ quyền của mình. Những hành động tranh chấp trên, đã và đang xâm phạm đến chủ quyền trên biển của nước ta. Đe dọa trực tiếp đến chủ quyền, độc lập và gây rất nhiều khó khăn cho công tác bảo vệ chủ quyền trên biển.

- Âm mưu độc chiếm biển Đông của Trung Quốc với ranh giới “đường lưỡi bò” trên biển: Phần Biển Đông mà họ đòi hỏi nằm trong các đường gạch nối trên Biển Đông, được đưa ra đầu tiên vào năm 1947, có hình chữ U hay hình lưỡi bò và do vậy thường được gọi là “đường lưỡi bò” hay “ranh giới lưỡi bò”. Phần diện tích trong đường lưỡi bò này chiếm khoảng 75% diện tích trên Biển Đông, để lại khoảng 25% cho tất cả các nước Philippines, Malaysia, Brunei, Indonesia, và Việt Nam, tức mỗi nước được trung bình 5%. Năm 2007, Trung Quốc đưa ra quy định theo đó tất cả bản đồ Trung Quốc phải vẽ ranh giới lưỡi bò này. Cũng năm 2007, Trung Quốc áp lực tập đoàn dầu khí BP phải ngưng hợp tác với Việt Nam

trong hai vùng dầu khí Mộc Tinh, Hải Thạch. Năm 2008, Trung Quốc vẽ ranh giới lưỡi bò vào bản đồ rước đuốc Olympic và Paralympic, nhưng sau đó gỡ ra khỏi bản đồ rước đuốc Olympic trên trang web chính thức sau khi có tiếng nói phản đối từ phía Việt Nam gửi đến Chủ tịch Ủy ban Olympic Quốc tế. Tháng 7 năm 2008, Trung Quốc áp lực ExxonMobil không được hợp tác với Việt Nam trong vùng biển hợp pháp của Việt Nam. Tháng 11 năm 2008, Công ty Dầu khí Hải dương Trung Quốc công bố dự án có vốn 29 tỷ USD để khảo sát và khai thác trên Biển Đông. Những hành động trên của Trung Quốc cùng với sự ra tăng sức mạnh và tiềm lực kinh tế cũng như quốc phòng của Trung Quốc thực sự là mối đe dọa lớn cho chủ quyền trên biển không chỉ của Việt Nam mà còn là mối đe dọa với các nước trong khu vực. Ranh rới đường lưỡi bò của Trung Quốc là sự vi phạm nghiêm trọng pháp luật quốc tế về luật biển.

3. Hướng khắc phục cho những tồn tại trong việc bảo vệ chủ quyền trên các vùng biển của Việt Nam.

3.1 Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tăng cường tiềm lực kinh tế, chú trọng phát triển quốc phòng, đảm bảo an ninh trên biển.

Độc lập chủ quyền của đất nước có được bảo vệ vững chắc hay không phụ thuộc rất nhiều vào sức mạnh của dân tộc đó. Vì vậy muốn bảo vệ vững chắc và bền vững độc lập chủ quyền biển thì đây được coi là biện pháp mang tính chiến lược và lâu dài. Nhân dân ta có truyền thống nghề biển, ý thức về chủ quyền biển đã hình thành trong tư tưởng cha ông ta và trở thành truyền thống của dân tộc. Vì vậy vẫn phải khơi gợi truyền thống quý báu đó và giáo dục cho mọi người dân Việt Nam về vai trò, vị trí của biển Đông cũng như chủ quyền của Việt Nam trên biển. Cần xây dựng một quy tắc ứng xử chung về Biển Đông giữa Nhà nước và nhân dân và giữa các cộng đồng người Việt Nam với nhau. Quy tắc này không cần phải là luật, chỉ cần là một thoả thuận bất thành văn, được nhiều cá nhân và hội nhóm công khai tôn trọng.

Song song với nhiệm vụ này, chúng ta phải tăng cường tiềm lực kinh tế, phát huy nội lực, khẳng định sức mạnh rên thực tế. Tiếp tục giữ vững tốc độ tăng trưởng, mở rộng quy mô nền kinh tế. Từ đó mới có thể tăng cường lực lượng cũng như trang thiết bị cho quốc phòng. Hiện nay lực lượng Hải quân của ta đang được đầu tư, hiện đại hóa và phát triển theo hướng hiện đại. Nhưng so với các nước trong

khu vực và Trung Quốc thì sức chiến đấu của ta còn hạn chế, chưa thể sánh ngang với một số nước. Mặt khác đây là lực lượng chủ yếu trong việc giữ gìn và bảo vệ chủ quyền trên biển. Do vậy, xây dựng 1 lực lượng hải quân hùng mạnh và sẵn sàng đối phó với mọi tình huống là yêu cầu cấp thiết và thực tế đáp ứng việc bảo vệ chủ quyền biển.

Để có thể bảo vệ chủ quyền và khai thác các lợi thế trên các vùng biển của chúng ta thì cần phải có “1 tư duy biển Đông”. Điều đó có nghĩa rằng chúng ta cần phải có và phải xây dựng 1 đội ngũ chuyên gia biển đáp ứng được cả về chất lượng cũng như số lượng. Xây dựng chiến lược phát triển và nghiên cứu biển. Việc này đã không được chúng ta qua tâm và chú trọng trong 1 thời gian tương đối dài, nhưng hiện nay đã và đang được quan tâm đầu tư.

Một vấn đề quan trọng trong công tác bảo vệ chủ quyền biển đó là giữ gìn an ninh trật tự cũng như đảm bảo việc thi hành pháp luật cũng như công tác tuần tra kiểm soát phải được tiến hành 1 cách thường xuyên. Trong những năm gần đây, nước ta đã thành lập lực lượng cảnh sát biển để phối hợp với Hải quân để làm nhiệm vụ này. Từ khi thành lập, lực lượng này đã tỏ rõ được vai trò, góp phần giữ gìn tốt chủ quyền trên biển. Trong thời gian tới, cần đầu tư thêm cho lực lượng này để mở rộng phạm vi hoạt động cũng như phát huy hơn nữa vai trò của mình.

3.2 Tăng cường chiến lược ngoại giao và truyền thông.

Là nước nhỏ, trong chiến lược của chúng ta phải tận dụng biện pháp ngoại giao, chúng ta không thể đòi lại những vùng biển đảo bị chiếm hay giải quyết tranh chấp bằng vũ lực do vậy ngoại giao sẽ là biện pháp để chúng ta bảo vệ quyền lợi của mình. Để tranh thủ sự ủng hộ của các nước thì trong chiến lược ngoại giao của chúng ta phải có những khía cạnh giúp những nước khác giành cho họ những quyền lợi không phải của ta. Hơn nữa, việc tuyên truyền và thu hút sự quan tâm trên phương diện quốc tế cũng vô cùng quan trọng cho việc bảo vệ chủ quyền của Việt Nam. Mặc dù có cơ sở rất yếu về phương diện lịch sử và pháp lý đòi với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, Trung Quốc đã và đang tiến hành công cuộc tuyên truyền về chủ quyền của họ đối với quần đảo này. Vì vậy thông qua con đường ngoại giao, chúng ta cần vận động sự qua tâm và ủng hộ

của dư luận quốc tế cho 1 giải pháp công bằng và hòa bình cho các tranh chấp chủ quyền ở biển Đông. Quốc tế sẽ ủng hộ chúng ta khi thấy công lý và lẽ phải thuộc về ta. Mặt khác đường lưỡi bò của Trung Quốc xâm phạm đến chủ quyền của các nước khác trong ASEAN. Do vậy, trong khuôn khổ ASEAN, Việt Nam cần phải tận dụng ưu thế thành viên của mình để vận động cho một tiếng nói chung. Ngoài ra, trong việc hội nhập ASEAN cũng như trong việc xây dựng Cộng đồng kinh tế Đông Á, Việt Nam phải giữ thế chủ động.

3.3 Kêu gọi các nước tranh chấp đàm phán dựa trên nguyên tắc của luật biển quốc tế, tiến hành việc quốc tế hóa tranh chấp biển Đông.

Với việc là thành viên của công ước Liên hợp quốc về luật biển 1982, chúng ta đã có trong tay công cụ pháp lý hữu hiệu để bảo vệ chủ quyền biển. Vì vậy

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com